

Số: 464/2019/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Minh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 21 Nguyễn Thái H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 6/138 đường Trần P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Huỳnh Thị Minh H và anh Phan Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Minh H và anh Phan Văn Q xác nhận có 03 con chung là: Phan Huỳnh Quỳnh N, sinh năm 1997; Phan Huỳnh Quỳnh A, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Quỳnh O, sinh ngày 30/6/2007. Chị H và anh Q thoả thuận giao cháu Phan Huỳnh Quỳnh O, sinh ngày 30/6/2007 cho chị Huỳnh Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Omỗi tháng 2.000.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phan Huỳnh Quỳnh O đủ 18 tuổi. Các con Phan Huỳnh Quỳnh N, Phan Huỳnh Quỳnh A đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Minh H và anh Phan Văn Q cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Minh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/008120 ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; chị Huỳnh Thị Minh H được trả lại 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn Q phải chịu 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường Phước Vĩnh;
- (ĐKKH số 31, ngày 13/6/1997)
- Lưu: HSPA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh